

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER PHƯƠNG NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER PHƯƠNG NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PHUONG NAM CONTAINER JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: PHUONG NAM CONTAINER JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0315451503

3. Ngày thành lập: 26/12/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

77 Đường ĐHT 06, Phường Tân Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
2.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (không hoạt động tại trụ sở)	2592
3.	Thoát nước và xử lý nước thải (không hoạt động tại trụ sở)	3700
4.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
5.	Xây dựng nhà không để ở	4102
6.	Xây dựng công trình thủy	4291
7.	Phá dỡ	4311
8.	Bán mô tô, xe máy	4541
9.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn container, vật tư phụ tùng container	4669(Chính)
10.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
11.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Lưu giữ hàng hóa	5210
12.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý. Môi giới (trừ môi giới bất động sản)	4610
13.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ kinh doanh được phẩm).	4649
14.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ mua bán vàng miếng)	4662
15.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn mang tính pháp lý)	6619

16.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3311
17.	Xây dựng nhà để ở	4101
18.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
19.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
20.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
21.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
22.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	4933
23.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
24.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng (trừ thiết kế công trình xây dựng).	7410
25.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
26.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
27.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
28.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản)	4322
29.	Bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở)	4632
30.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
31.	Sửa chữa máy móc, thiết bị (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3312
32.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
33.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
34.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
35.	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
36.	Quảng cáo	7310
37.	Cho thuê xe có động cơ	7710
38.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3315
39.	Xây dựng công trình điện	4221
40.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
41.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
42.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải đường hàng không)	5229

43.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
44.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn)	4661
45.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở)	4620
46.	Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN NGỌC ĐỨC	Xóm 2, Xã Kim Chính, Huyện Kim Sơn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	125.000	1.250.000.000	25,000	164377509	
			Tổng số	125.000	1.250.000.000	25,000		
2	TRẦN THỊ QUY	25b Đường Số 2,, Phường Bình Hưng Hòa A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	125.000	1.250.000.000	25,000	037188000802	
			Tổng số	125.000	1.250.000.000	25,000		
3	LÝ HỒNG THÊ	Xóm Xuân Đình, Xã Diên Hồng, Huyện Diên Châu, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	125.000	1.250.000.000	25,000	186973041	
			Tổng số	125.000	1.250.000.000	25,000		
4	NGÔ QUỐC THỊNH	Tổ 5, Khu 6, Xã Trà Tân, Huyện Đức Linh, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	125.000	1.250.000.000	25,000	260884998	
			Tổng số	125.000	1.250.000.000	25,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

